

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách
nhà nước năm 2026 tỉnh Thanh Hóa (đợt 2)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ các Nghị quyết của Quốc hội: số 245/2025/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2025 về dự toán ngân sách nhà nước năm 2026; số 246/2025/QH15 ngày 14 tháng 11 năm 2025 về phân bổ ngân sách trung ương năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 ngày 07/02/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 275/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 2638/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2025 về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2026; số 2661/QĐ-TTg ngày 05 tháng 12 năm 2025 về việc giao chi tiết dự toán ngân sách nhà nước năm 2026; số 2691/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2025 về việc giao kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước năm 2026 cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương;

Căn cứ Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: số 705/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 về phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương năm

2026, tỉnh Thanh Hóa; Nghị quyết số 706/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 về kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2026 tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: số 4176/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025 về việc giao kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách nhà nước năm 2026 tỉnh Thanh Hóa (đợt 1); số 292/QĐ-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2026 về việc tổ chức lại Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Yên Định; số 440/QĐ-UBND ngày 06 tháng 02 năm 2026 về việc tổ chức lại Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn Thanh Hóa; số 441/QĐ-UBND ngày 06 tháng 02 năm 2026 về việc tổ chức lại Ban Quản lý dự án đầu tư công trình giao thông Thanh Hóa; số 444/QĐ-UBND ngày 06 tháng 02 năm 2026 về việc thành lập Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Nghi Sơn, trực thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp; số 446/QĐ-UBND ngày 06 tháng 02 năm 2026 về việc tổ chức lại Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 577/QĐ-UBND ngày 24 tháng 02 năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc điều chỉnh chủ đầu tư các dự án đầu tư công do các Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực làm chủ đầu tư về Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn Thanh Hóa, Ban Quản lý dự án đầu tư công trình giao thông Thanh Hóa, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Thanh Hóa; Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Nghi Sơn trực thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp quản lý;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 1747/TTr-STC ngày 14 tháng 02 năm 2026 về việc đề nghị giao kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách nhà nước năm 2026, tỉnh Thanh Hóa (đợt 2).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách nhà nước năm 2026, tỉnh Thanh Hóa (đợt 2) cho các nhiệm vụ, dự án, các chủ đầu tư và các đơn vị, với những nội dung sau:

1. Kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách nhà nước năm 2026, tỉnh Thanh Hóa giao đợt này (đợt 2): 2.491.218 triệu đồng (vốn ngân sách địa phương); trong đó:

- a) Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất: 1.085.228 triệu đồng.
- b) Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết: 37.350 triệu đồng.
- c) Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước: 1.368.640 triệu đồng.

(Chi tiết có Phụ lục I và các Phụ biểu 1,2 kèm theo)

2. Kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách nhà nước năm 2026, tỉnh Thanh Hóa chưa giao chi tiết: 206.682 triệu đồng (vốn ngân sách địa phương), trong đó:

- a) Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất: 25.000 triệu đồng.
- b) Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước: 181.682 triệu đồng.

3. Thời gian giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026: Thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công, các văn bản pháp luật có liên quan, chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính và Kế hoạch số 36/KH-UBND ngày 10 tháng 02 năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 2. Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2026.

1. Sở Tài chính

a) Căn cứ nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, thông báo danh mục, mức vốn, mục tiêu đầu tư của các dự án, nhiệm vụ có đủ điều kiện theo quy định cho các chủ đầu tư và các đơn vị liên quan để triển khai thực hiện.

b) Thực hiện nhập dự toán cho các dự án trên Hệ thống thông tin quản lý Ngân sách và Kho bạc (TABMIS) theo quy định.

c) Đôn đốc, theo dõi tình hình thực hiện kế hoạch năm 2026 của các đơn vị, chủ đầu tư; định kỳ hằng tháng báo cáo UBND tỉnh tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch năm 2026 và thông báo cho các chủ đầu tư, các địa phương để tổ chức thực hiện. Kịp thời báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, xử lý các chủ đầu tư, địa phương giải ngân thấp so với mức trung bình của cả tỉnh hoặc vi phạm trong công tác quản lý, điều hành kế hoạch đầu tư công.

2. Kho bạc Nhà nước Khu vực XI kiểm soát chặt chẽ việc giải ngân của chủ đầu tư, chỉ cho phép giải ngân khi đảm bảo đầy đủ thủ tục đầu tư theo quy định. Đồng thời, trong quá trình kiểm soát chi, phải ưu tiên thu hồi vốn tạm ứng trước khi thanh toán khối lượng hoàn thành cho các dự án, nhất là các dự án có số dư vốn ứng lớn, chậm thu hồi vốn tạm ứng.

3. Các chủ đầu tư

a) Tổ chức triển khai thực hiện dự án ngay sau khi nhận được thông báo kế hoạch vốn năm 2026; xây dựng kế hoạch chi tiết tiến độ và giải ngân đối với từng dự án do đơn vị mình quản lý để tổ chức thực hiện, đảm bảo giải ngân hết kế hoạch vốn trước ngày 31 tháng 12 năm 2026. Trong quá trình thanh toán, phải bố trí đủ vốn để thực hiện giải phóng mặt bằng, sau đó mới bố trí cho phần xây lắp và chi khác. Đồng thời, chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng số vốn được giao đúng mục đích, hiệu quả, phù hợp với khối lượng thực hiện, không gây nợ đọng xây dựng cơ bản và thanh quyết toán theo đúng quy định của pháp luật.

b) Hoàn thiện các hồ sơ, thủ tục theo quy định của pháp luật để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định điều chỉnh nguồn vốn và cơ cấu nguồn vốn của các dự án theo quy định (nếu có), quyết định điều chỉnh thời gian thực hiện dự án đảm bảo phù hợp với tiến độ bố trí vốn và tình hình thực tế.

4. Các sở: Tài chính; Xây dựng; Nông nghiệp và Môi trường; Kho bạc Nhà nước Khu vực XI và các ngành, đơn vị liên quan, căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm phối hợp, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các chủ đầu tư, các đơn vị liên quan thực hiện dự án theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, Trưởng các ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Thủ trưởng các ngành, các chủ đầu tư và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Văn phòng Chính phủ (để báo cáo);
- Bộ Tài chính (để báo cáo);
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy (để báo cáo);
- HĐND tỉnh (để báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ủy viên UBND tỉnh;
- Các phòng chuyên môn VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, THĐT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hoài Anh

Phụ lục I: KẾ HOẠCH NĂM 2026 ĐỐI VỚI NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (giao đợt 2)

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

STT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Mã số dự án	Địa điểm mở tài khoản	Ngành, lĩnh vực	Dự kiến thời gian khởi công và hoàn thành (hoặc dự kiến thời gian thực hiện theo thực tế)	Quyết định đầu tư (hoặc quyết định chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt quyết toán)			Đã bố trí vốn đến hết kế hoạch năm 2025		Ước giải ngân từ khi khởi công đến hết kế hoạch năm 2025		Số vốn còn thiếu đến hết kế hoạch năm 2025		Kế hoạch vốn ngân sách địa phương năm 2026	Chủ đầu tư/đơn vị đề xuất	Ghi chú
							Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư/dự kiến tổng mức đầu tư hoặc giá trị quyết toán		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh			
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
	TỔNG SỐ															2.697.900		
A	KẾ HOẠCH VỐN GIAO ĐỢT NÀY															2.491.218		
I	ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT ĐIỀU TIẾT VỀ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH							2.813.989	2.515.490	865.749	628.165	865.570	627.986	1.948.419	1.887.504	1.085.228		
1	Bố trí cho các dự án thực hiện di dân tại các khu vực bị ảnh hưởng bởi lũ ống, lũ quét							26.405	26.405	13.800	13.800	13.800	13.800	12.605	12.605	9.860		
a	Dự án hoàn thành chưa có quyết toán được duyệt							16.629	16.629	13.800	13.800	13.800	13.800	2.829	2.829	1.160		
-	Sắp xếp, ổn định dân cư cho các hộ dân thôn Trinh, xã Lũng Cao, huyện Bá Thước (nay tên dự án là Sắp xếp, ổn định dân cư cho các hộ dân thôn Trinh, xã Cổ Lũng, tỉnh Thanh Hóa).	Xã Cổ Lũng	7969262	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản	2022 - 2025	196/QĐ-UBND ngày 11/01/2024; 3044/QĐ-UBND ngày 11/9/2025	16.629	16.629	13.800	13.800	13.800	13.800	2.829	2.829	1.160	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông	Tính toán khối lượng hoàn thành theo quy định; số vốn còn thiếu sẽ bố trí sau khi dự án có quyết toán được duyệt.
b	Dự án khởi công mới năm 2026							9.776	9.776					9.776	9.776	8.700		
-	Sắp xếp, ổn định dân cư cho các hộ dân bản Luốc Lầu, xã Mường Mìn, huyện Quan Sơn.	Xã Mường Mìn				Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản	2561/QĐ-UBND ngày 23/7/2025	9.776	9.776					9.776	9.776	8.700	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông	Triển khai thực hiện và hoàn thành dự án.
2	Bố trí vốn đối ứng thực hiện các dự án thuộc hoạt động 1, tiêu dự án 1, dự án 1 thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững															91.412		Chi tiết có Phụ biểu 1 kèm theo
3	Các dự án do cấp huyện quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư bàn giao về cấp tỉnh quản lý															807.246		Chi tiết có Phụ biểu 2 kèm theo
4	Các dự án do tỉnh quản lý							2.787.584	2.489.085	851.949	614.365	851.770	614.186	1.935.814	1.874.899	176.710		
a	Dự án đã hoàn thành chưa có quyết toán được duyệt							333.000	163.248	293.589	124.837	293.589	124.837	39.411	38.411	13.200		

STT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Mã số dự án	Địa điểm mở tài khoản	Ngành, lĩnh vực	Dự kiến thời gian khởi công và hoàn thành (hoặc dự kiến thời gian thực hiện theo thực tế)	Quyết định đầu tư (hoặc quyết định chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt quyết toán)			Đã bố trí vốn đến hết kế hoạch năm 2025		Ước giải ngân từ khi khởi công đến hết kế hoạch năm 2025		Số vốn còn thiếu đến hết kế hoạch năm 2025		Kế hoạch vốn ngân sách địa phương năm 2026	Chủ đầu tư/đơn vị đề xuất	Ghi chú
							Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư/dự kiến tổng mức đầu tư hoặc giá trị quyết toán		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh			
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
-	Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử cách mạng Trụ sở làm việc của Tỉnh ủy Thanh Hóa (giai đoạn 1967-1973) xã Thiệu Viên, huyện Thiệu Hóa (đổi tên thành Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử cách mạng Trụ sở làm việc của Tỉnh ủy Thanh Hóa (giai đoạn 1967-1973) xã Thiệu Trung, tỉnh Thanh Hóa).	Xã Thiệu Trung	7839052	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Văn hóa	2025	1345/QĐ-UBND ngày 17/4/2020; 1242/QĐ-UBND ngày 04/5/2021; 3066/QĐ-UBND ngày 15/9/2025; 3448/QĐ-UBND ngày 03/11/2025	37.500	31.748	31.052	25.300	31.052	25.300	6.448	6.448	3.200	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT	T thanh toán khối lượng hoàn thành theo quy định; số vốn còn thiếu sẽ bố trí sau khi dự án có quyết toán được duyệt.
-	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 524, huyện Nga Sơn.	Xã Nga Sơn, Nga Thắng, Hồ Vương	7924425; 7974763	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	2022 - 2025	909/QĐ-UBND ngày 14/3/2022; 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	200.000	45.000	176.912	21.912	176.912	21.912	23.088	23.088	5.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT	T thanh toán khối lượng hoàn thành theo quy định; số vốn còn thiếu sẽ bố trí sau khi dự án có quyết toán được duyệt.
-	Bảo tồn, tôn tạo di tích Khu căn cứ khởi nghĩa Ba Đình (Hạng mục: Đèn thờ các thủ lĩnh và nghĩa quân Ba Đình), huyện Nga Sơn.	Xã Ba Đình	7924422	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Văn hóa	03 năm	2319/QĐ-UBND ngày 30/6/2022; 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	95.500	86.500	85.625	77.625	85.625	77.625	9.875	8.875	5.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT	T thanh toán khối lượng hoàn thành theo quy định; số vốn còn thiếu sẽ bố trí sau khi dự án có quyết toán được duyệt.
b	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2026							317.168	281.937	232.165	196.934	231.986	196.755	85.182	85.182	57.000		
-	Đường giao thông Nam sông Chu, đoạn từ xã Thiệu Văn đi xã Minh Tâm, huyện Thiệu Hóa (nay đổi tên dự án thành Đường giao thông Nam sông Chu, đoạn từ xã Thiệu Văn đi thị trấn Hậu Hiền, huyện Thiệu Hóa).	Xã Thiệu Văn, Minh Tâm	7928900	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	2022 - 2026	1368/QĐ-UBND ngày 22/4/2022; Nghị quyết số 534/NQ-HĐND ngày 31/5/2024; 3150/QĐ-UBND ngày 25/9/2025	187.168	151.937	160.165	124.934	159.986	124.755	27.182	27.182	12.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT	Hoàn thành và quyết toán dự án theo quy định.
-	Nâng cấp, cải tạo đê hữu sông Dừa, huyện Thiệu Hóa.	Xã Thiệu Toán, Thiệu Trung	7969263	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản	2022 - 2026	281/QĐ-UBND ngày 17/01/2023; 3546/QĐ-UBND ngày 13/11/2025	130.000	130.000	72.000	72.000	72.000	72.000	58.000	58.000	45.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT	Hoàn thành và quyết toán dự án theo quy định.
c	Dự án hoàn thành sau năm 2026							1.585.001	1.551.400	326.195	292.594	326.195	292.594	1.258.806	1.258.806	106.510		

STT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Mã số dự án	Địa điểm mở tài khoản	Ngành, lĩnh vực	Dự kiến thời gian khởi công và hoàn thành (hoặc dự kiến thời gian thực hiện theo thực tế)	Quyết định đầu tư (hoặc quyết định chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt quyết toán)			Đã bố trí vốn đến hết kế hoạch năm 2025		Ước giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm 2025		Số vốn còn thiếu đến hết kế hoạch năm 2025		Kế hoạch vốn ngân sách địa phương năm 2026	Chủ đầu tư/đơn vị đề xuất	Ghi chú
							Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư/dự kiến tổng mức đầu tư hoặc giá trị quyết toán		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh			
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
-	Đường Bền En đi trung tâm thị trấn Bến Sung, huyện Như Thanh.	Xã Như Thanh	7929157	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	2022 - 2027	1867/QĐ-UBND ngày 30/5/2022; 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025; 3598/QĐ-UBND ngày 17/11/2025	348.155	341.486	126.669	120.000	126.669	120.000	221.486	221.486	46.510	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Hoàn trả vốn vay Quỹ phát triển đất tỉnh theo chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Văn bản số 11366/UBND-THTT ngày 17/7/2025.
-	Tuyến đường 4C, thành phố Sầm Sơn (đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến đường vành đai phía Nam).	Phường Nam Sầm Sơn	7929836	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	2022 - 2027	102/QĐ-UBND ngày 09/01/2023; 3150/QĐ-UBND ngày 25/9/2025	604.984	596.052	33.892	24.960	33.892	24.960	571.092	571.092	30.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	T thanh toán khối lượng hoàn thành và tiếp tục thực hiện dự án.
-	Tuyến đường trục cảnh quan Thanh Hóa - Sầm Sơn, thành phố Sầm Sơn (đoạn từ Quốc lộ 10 đến đường 4C).	Phường Nam Sầm Sơn	7929837	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	2022 - 2027	103/QĐ-UBND ngày 09/01/2023; 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	631.862	613.862	165.634	147.634	165.634	147.634	466.228	466.228	30.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	T thanh toán khối lượng hoàn thành và tiếp tục thực hiện dự án.
II	ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU XỐ SỔ KIẾN THIẾT							358.837	160.177	161.760	36.600	161.760	36.600	197.077	123.577	37.350		
a	Dự án hoàn thành sau năm 2026							358.837	160.177	161.760	36.600	161.760	36.600	197.077	123.577	37.350		
-	Xây dựng nhà khám chữa bệnh Bệnh viện đa khoa huyện Hoằng Hóa.	Xã Hoằng Hóa	8071930	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Y tế, dân số và gia đình	2024 - 2027	877/QĐ-UBND ngày 04/3/2024; 3549/QĐ-UBND ngày 13/11/2025	200.837	98.177	120.960	18.300	120.960	18.300	79.877	79.877	21.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT	T thanh toán khối lượng hoàn thành và tiếp tục thực hiện dự án.
-	Xây dựng nhà khám chữa bệnh trung tâm Bệnh viện Đa khoa huyện Hậu Lộc.	Xã Hậu Lộc	8073033	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Y tế, dân số và gia đình	2024 - 2027	4456/QĐ-UBND ngày 08/11/2024; 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	158.000	62.000	40.800	18.300	40.800	18.300	117.200	43.700	16.350	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT	T thanh toán khối lượng hoàn thành và tiếp tục thực hiện dự án.
III	CHI XÂY DỰNG CƠ BẢN VỐN TẬP TRUNG TRONG NƯỚC							17.596.895	13.473.592	6.584.710	4.533.268	6.582.148	4.533.215	11.014.747	8.940.377	1.368.640		
1	Bố trí vốn cho các dự án trụ sở làm việc của cơ quan nhà nước							41.687	37.102	35.185	30.600	35.185	30.600	6.502	6.502	4.961		
a	Dự án hoàn thành đã có quyết toán được duyệt							24.296	21.711	23.185	20.600	23.185	20.600	1.111	1.111	1.111		

STT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Mã số dự án	Địa điểm mở tài khoản	Ngành, lĩnh vực	Dự kiến thời gian khởi công và hoàn thành (hoặc dự kiến thời gian thực hiện theo thực tế)	Quyết định đầu tư (hoặc quyết định chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt quyết toán)			Đã bố trí vốn đến hết kế hoạch năm 2025		Ước giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm 2025		Số vốn còn thiếu đến hết kế hoạch năm 2025		Kế hoạch vốn ngân sách địa phương năm 2026	Chủ đầu tư/đơn vị đề xuất	Ghi chú
							Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư/dự kiến tổng mức đầu tư hoặc giá trị quyết toán		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh			
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
-	Đầu tư xây dựng Công sở xã Điện Thượng, huyện Bá Thước	Xã Điện Thượng	8002839	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội	2023 - 2024	1514/QĐ-UBND ngày 19/5/2025; 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	5.068	5.068	5.000	5.000	5.000	5.000	68	68	68	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông	T thanh toán số vốn còn thiếu theo quyết toán được duyệt.
-	Đầu tư xây dựng Công sở xã Lương Ngoại, huyện Bá Thước	Xã Lương Ngoại	8002840	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội	2023 - 2024	1512/QĐ-UBND ngày 19/5/2025; 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	5.072	5.072	5.000	5.000	5.000	5.000	72	72	72	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông	T thanh toán số vốn còn thiếu theo quyết toán được duyệt.
-	Đầu tư xây dựng Công sở xã Thọ Xương	Xã Lam Sơn	8040332	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội	2023 - 2024	1539/QĐ-UBND ngày 09/05/2023; 3128/QĐ-UBND ngày 23/9/2025; 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	6.425	5.540	6.185	5.300	6.185	5.300	240	240	240	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	T thanh toán số vốn còn thiếu theo quyết toán được duyệt.
-	Đầu tư xây dựng Công sở xã Triệu Lộc	Xã Triệu Lộc	8085203	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội	2023 - 2024	3228/QĐ-UBND ngày 07/10/2025; 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	7.731	6.031	7.000	5.300	7.000	5.300	731	731	731	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT	T thanh toán số vốn còn thiếu theo quyết toán được duyệt.
b	Dự án đã hoàn thành nhưng chưa có quyết toán được duyệt							17.391	15.391	12.000	10.000	12.000	10.000	5.391	5.391	3.850		

STT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Mã số dự án	Địa điểm mở tài khoản	Ngành, lĩnh vực	Dự kiến thời gian khởi công và hoàn thành (hoặc dự kiến thời gian thực hiện theo thực tế)	Quyết định đầu tư (hoặc quyết định chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt quyết toán)			Đã bố trí vốn đến hết kế hoạch năm 2025		Ước giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm 2025		Số vốn còn thiếu đến hết kế hoạch năm 2025		Kế hoạch vốn ngân sách địa phương năm 2026	Chủ đầu tư/đơn vị đề xuất	Ghi chú
							Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư/dự kiến tổng mức đầu tư hoặc giá trị quyết toán		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh			
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
-	Trụ sở làm việc Mặt trận Tổ quốc và khối đoàn thể chính trị - xã hội huyện Quan Sơn	Xã Quan Sơn	8091439	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội	2023 - 2025	2016/QĐ-UBND ngày 20/5/2024; 3276/QĐ-UBND ngày 13/10/2025	6.999	6.999	5.000	5.000	5.000	5.000	1.999	1.999	1.300	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông	Thanh toán khối lượng hoàn thành theo quy định; số vốn còn thiếu sẽ bố trí sau khi dự án có quyết toán được duyệt.
-	Trụ sở làm việc Mặt trận Tổ quốc và khối đoàn thể chính trị - xã hội huyện Như Thanh	Xã Như Thanh	8041122	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội	2024 - 2025	2659/QĐ-UBND ngày 27/7/2023; 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	10.392	8.392	7.000	5.000	7.000	5.000	3.392	3.392	2.550	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Thanh toán khối lượng hoàn thành theo quy định; số vốn còn thiếu sẽ bố trí sau khi dự án có quyết toán được duyệt.
2	Bố trí vốn thực hiện các dự án khác							17.555.208	13.436.490	6.549.525	4.502.668	6.546.963	4.502.615	11.008.245	8.933.875	1.363.679		
a	Dự án hoàn thành có quyết toán được duyệt							172.256	92.922	171.577	92.243	171.577	92.243	679	679	679		
-	Tuyên giao thông đoạn tránh Ngã Ba Chẽ, từ xã Thiệu Trung đến thị trấn Thiệu Hóa, huyện Thiệu Hóa.	Xã Thiệu Trung	7928906	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	2022 - 2025	1166/QĐ-UBND ngày 05/4/2022; 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025; 3587/QĐ-UBND ngày 17/11/2025	139.639	60.305	139.334	60.000	139.334	60.000	305	305	305	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT	Thanh toán số vốn còn thiếu theo quyết toán được duyệt.
-	Cầu Tiên Long bắc qua sông Lý xã Quảng Trường, huyện Quảng Xương.	Xã Quảng Chính	7931534; 7968063	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	2022 - 2023	698/QĐ-UBND ngày 06/3/2025	32.617	32.617	32.243	32.243	32.243	32.243	374	374	374	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Thanh toán số vốn còn thiếu theo quyết toán được duyệt.
b	Dự án đã hoàn thành nhưng chưa có quyết toán được duyệt							1.787.938	1.045.811	1.465.284	766.124	1.462.776	766.125	325.162	279.686	141.050		

STT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Mã số dự án	Địa điểm mở tài khoản	Ngành, lĩnh vực	Dự kiến thời gian khởi công và hoàn thành (hoặc dự kiến thời gian thực hiện theo thực tế)	Quyết định đầu tư (hoặc quyết định chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt quyết toán)			Đã bố trí vốn đến hết kế hoạch năm 2025		Ước giải ngân từ khi khởi công đến hết kế hoạch năm 2025		Số vốn còn thiếu đến hết kế hoạch năm 2025		Kế hoạch vốn ngân sách địa phương năm 2026	Chủ đầu tư/đơn vị đề xuất	Ghi chú
							Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư/dự kiến tổng mức đầu tư hoặc giá trị quyết toán		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh			
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
-	Đầu tư xây dựng Trạm bơm tưới xã Vĩnh Hùng, huyện Vĩnh Lộc.	Xã Biện Thượng	7659052	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản	2018 - 2024	3034/QĐ-UBND ngày 10/8/2018; 3781/QĐ-UBND ngày 03/11/2022; 4692/QĐ-UBND ngày 27/12/2022; 1545/QĐ-UBND ngày 19/4/2024	67.780	66.657	56.851	55.727	56.851	55.728	10.929	10.929	4.200	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT	T thanh toán khối lượng hoàn thành theo quy định; số vốn còn thiếu sẽ bố trí sau khi dự án có quyết toán được duyệt.
-	Đường giao thông khu du lịch suối cá thần, xã Cẩm Lương, huyện Cẩm Thủy.	Xã Cẩm Tú	7935383	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	2022 - 2025	1202/QĐ-UBND ngày 07/4/2022; 1289/QĐ-UBND ngày 15/4/2022; 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	57.000	53.645	48.355	45.000	48.355	45.000	8.645	8.645	3.200	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông	T thanh toán khối lượng hoàn thành theo quy định; số vốn còn thiếu sẽ bố trí sau khi dự án có quyết toán được duyệt.
-	Đầu tư xây dựng hoàn thiện cơ sở vật chất Bệnh viện Đa khoa huyện Thiệu Hóa.	Xã Thiệu Trung	8039599	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Y tế, dân số và gia đình	2022 - 2025	2361/QĐ-UBND ngày 04/7/2023; 2361/QĐ-UBND ngày 03/7/2025; 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	175.000	79.000	127.000	46.000	127.000	46.000	48.000	33.000	25.100	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT	T thanh toán khối lượng hoàn thành theo quy định; số vốn còn thiếu sẽ bố trí sau khi dự án có quyết toán được duyệt.
-	Đầu tư hoàn thiện cơ sở vật chất Bệnh viện Đa khoa huyện Vĩnh Lộc.	Xã Vĩnh Lộc	8037665	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Y tế, dân số và gia đình	2022 - 2025	2665/QĐ-UBND ngày 27/7/2023; 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	110.000	50.000	90.000	30.000	90.000	30.000	20.000	20.000	15.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT	T thanh toán khối lượng hoàn thành theo quy định; số vốn còn thiếu sẽ bố trí sau khi dự án có quyết toán được duyệt.
-	Đầu tư nâng cấp, xây dựng đường gom cụm công nghiệp Hà Bình (Hà Bình - Hà Lai), huyện Hà Trung	Các xã: Hoạt Giang, Lĩnh Toại	7780798	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	2018 - 2022	2476/QĐ-UBND ngày 29/6/2018; 1568/QĐ-UBND ngày 14/5/2021; 1443/QĐ-UBND ngày 27/4/2022; 3549/QĐ-UBND ngày 13/11/2025	33.972	30.831	23.413	20.272	23.413	20.272	10.559	10.559	7.400	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT	T thanh toán khối lượng hoàn thành theo quy định; số vốn còn thiếu sẽ bố trí sau khi dự án có quyết toán được duyệt.

STT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Mã số dự án	Địa điểm mở tài khoản	Ngành, lĩnh vực	Dự kiến thời gian khởi công và hoàn thành (hoặc dự kiến thời gian thực hiện theo thực tế)	Quyết định đầu tư (hoặc quyết định chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt quyết toán)			Đã bố trí vốn đến hết kế hoạch năm 2025		Ước giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm 2025		Số vốn còn thiếu đến hết kế hoạch năm 2025		Kế hoạch vốn ngân sách địa phương năm 2026	Chủ đầu tư/đơn vị đề xuất	Ghi chú
							Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư/dự kiến tổng mức đầu tư hoặc giá trị quyết toán		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh			
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
-	Công viên tưởng niệm các giáo viên và học sinh đã hy sinh ngày 14 tháng 6 năm 1972 tại Đê sông Mã, Phường Nam Ngạn, thành phố Thanh Hóa (đổi tên thành Công viên tưởng niệm các giáo viên và học sinh đã hy sinh ngày 14 tháng 6 năm 1972 tại Đê sông Mã, Phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa)	Phường Hạc Thành; Phường Hàm Rồng	7862322	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Văn hóa	Hoàn thành trước 30/12/2025	4962/QĐ-UBND ngày 19/11/2020; 732/QĐ-UBND ngày 05/3/2021; 293/QĐ-UBND ngày 19/01/2023; 3356/QĐ-UBND ngày 23/10/2025	129.931	88.303	102.128	60.500	102.128	60.500	27.803	27.803	18.900	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Thanh toán khối lượng hoàn thành theo quy định; số vốn còn thiếu sẽ bố trí sau khi dự án có quyết toán được duyệt.
-	Đường từ trung tâm đô thị Bông, huyện Vĩnh Lộc nối đường tỉnh lộ 516B ra Quốc lộ 217 đi huyện Hà Trung	Xã Biện Thượng	7928895; 8030710	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	2022 - 2025	1798/QĐ-UBND ngày 25/5/2022; 3530/QĐ-UBND ngày 26/8/2024; 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	177.000	54.086	152.314	29.400	149.806	29.400	27.194	24.686	19.200	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT	T thanh toán khối lượng hoàn thành theo quy định; số vốn còn thiếu sẽ bố trí sau khi dự án có quyết toán được duyệt.
-	Đường từ QL47 đi cầu T ô rông (điểm đầu tiếp giáp đường mòn Hồ Chí Minh tại xã Xuân Phú, huyện Thọ Xuân, tiếp cuối tiếp giáp đường Xuân Cao đi xã Luận Thành tại địa phận xã Xuân Cao	Xã Thường Xuân, Luận Thành, Sao Vàng	7925722; 8030709; 8047120	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	2022 - 2025	1716/QĐ-UBND ngày 19/5/2022; 690/QĐ-UBND ngày 05/03/2025; 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	222.000	142.000	186.300	106.300	186.300	106.300	35.700	35.700	21.500	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông	T thanh toán khối lượng hoàn thành theo quy định; số vốn còn thiếu sẽ bố trí sau khi dự án có quyết toán được duyệt.
-	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông từ thị trấn Yên Cát đi xã Tân Bình, huyện Như Xuân.	Huyện Như Xuân (cũ)			Giao thông	2022 - 2025	1362/QĐ-UBND ngày 21/4/2022; 690/QĐ-UBND ngày 02/3/2023; 704/QĐ-UBND ngày 03/3/2023	90.000	90.000	79.000	79.000	79.000	79.000	11.000	11.000	2.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	T thanh toán khối lượng hoàn thành theo quy định; số vốn còn thiếu sẽ bố trí sau khi dự án có quyết toán được duyệt.
-	Khu di tích lịch sử trận địa Đồng Ngàn và tượng đài Trung đội dân quân Giải xã Hoa Lộc	Xã Hoa Lộc	7928754	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Văn hóa	Hoàn thành trước 30/6/2025	1458/QĐ-UBND ngày 28/4/2022; 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	74.968	42.500	41.500	37.000	41.500	37.000	33.468	5.500	1.250	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT	T thanh toán khối lượng hoàn thành theo quy định; số vốn còn thiếu sẽ bố trí sau khi dự án có quyết toán được duyệt.

STT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Mã số dự án	Địa điểm mở tài khoản	Ngành, lĩnh vực	Dự kiến thời gian khởi công và hoàn thành (hoặc dự kiến thời gian thực hiện theo thực tế)	Quyết định đầu tư (hoặc quyết định chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt quyết toán)			Đã bố trí vốn đến hết kế hoạch năm 2025		Ước giải ngân từ khâu công đến hết kế hoạch năm 2025		Số vốn còn thiếu đến hết kế hoạch năm 2025		Kế hoạch vốn ngân sách địa phương năm 2026	Chủ đầu tư/đơn vị đề xuất	Ghi chú
							Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư/dự kiến tổng mức đầu tư hoặc giá trị quyết toán		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh			
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
-	Trùng tu, tôn tạo Khu di tích lịch sử cách mạng Yên Trường, xã Thọ Lập, huyện Thọ Xuân.	Xã Thọ Lập	7610329	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Văn hóa	2017 - 2024	2453/QĐ-UBND ngày 11/7/2017; 5360/QĐ-UBND ngày 17/12/2020; 491/QĐ-UBND ngày 05/02/2021; 4805/QĐ-UBND ngày 05/12/2024; 3549/QĐ-UBND ngày 13/11/2025	45.538	45.238	35.678	35.378	35.678	35.378	9.860	9.860	5.300	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Thanh toán khối lượng hoàn thành theo quy định; số vốn còn thiếu sẽ bố trí sau khi dự án có quyết toán được duyệt.
-	Đường nối Tỉnh lộ 515C và đường từ Cảng hàng không Thọ Xuân đi Khu kinh tế Nghi Sơn từ xã Thọ Tân đi xã Hợp Lý - Xuân Thọ - Thọ Tiến, huyện Triệu Sơn	Các xã: Thọ Ngọc, Hợp Tiến, Thọ Phú	7928756; 7986518	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	2022 - 2025	1863/QĐ-UBND ngày 30/5/2022; 3150/QĐ-UBND ngày 25/9/2025	150.000	68.438	127.109	45.547	127.109	45.547	22.891	22.891	16.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông	Thanh toán khối lượng hoàn thành theo quy định; số vốn còn thiếu sẽ bố trí sau khi dự án có quyết toán được duyệt.
-	Đường nối Quốc lộ 1 với Quốc lộ 45 đoạn từ xã Hoằng Xuân, huyện Hoằng Hóa đến xã Thiệu Long, huyện Thiệu Hóa (Km5+250-Km14+603) - Tiểu dự án 2: Đoạn từ đầu cầu vượt sông Mã đến nút giao với Quốc lộ 45 (Km 7+250- Km14+603).	Xã Thiệu Long	7928902	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	2021 - 2025	2543/QĐ-UBND ngày 13/7/2021; 3627/QĐ-UBND ngày 16/9/2021; 650/QĐ-UBND ngày 28/02/2025; 3202/QĐ-UBND ngày 03/10/2025	454.749	235.113	395.636	176.000	395.636	176.000	59.113	59.113	2.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT	Thanh toán khối lượng hoàn thành theo quy định; số vốn còn thiếu sẽ bố trí sau khi dự án có quyết toán được duyệt.
c	Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2026							4.526.016	3.720.601	3.189.453	2.385.136	3.189.399	2.385.082	1.336.617	1.335.519	852.100		
-	Đường tỉnh 502 đoạn từ nút giao với đường Đinh Hương - Giàng, phường Thiệu Dương đến ngã ba đi cầu phao Vồm, phường Thiệu Khánh, thành phố Thanh Hóa.	Phường Đồng Tiến, Hầm Rông	7933748; 7952638	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	2022 - 2026	1114/QĐ-UBND ngày 31/3/2022; 2311/QĐ-UBND ngày 06/6/2024; 3202/QĐ-UBND ngày 03/10/2025	117.061	100.181	87.060	70.180	87.060	70.180	30.001	30.001	20.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Hoàn thành và quyết toán dự án theo quy định.
-	Đầu tư xây dựng và nâng cấp đê Tam Điệp và cầu Hà Lan, thị xã Bim Sơn.	Thị xã Bim Sơn (cũ)	7926729	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	2022 - 2026	2211/QĐ-UBND ngày 23/6/2022; 3145/QĐ-UBND ngày 24/9/2025	268.630	256.330	171.850	160.050	171.850	160.050	96.780	96.280	70.600	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT	Hoàn thành và quyết toán dự án theo quy định.

STT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Mã số dự án	Địa điểm mở tài khoản	Ngành, lĩnh vực	Dự kiến thời gian khởi công và hoàn thành (hoặc dự kiến thời gian thực hiện theo thực tế)	Quyết định đầu tư (hoặc quyết định chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt quyết toán)			Đã bố trí vốn đến hết kế hoạch năm 2025		Ước giải ngân từ kế hoạch công đến hết kế hoạch năm 2025		Số vốn còn thiếu đến hết kế hoạch năm 2025		Kế hoạch vốn ngân sách địa phương năm 2026	Chủ đầu tư/đơn vị đề xuất	Ghi chú
							Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư/dự kiến tổng mức đầu tư hoặc giá trị quyết toán		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh			
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
-	Tuyến đường nối đường tỉnh 516C với xã Định Công đi xã Thiệu Quang, huyện Thiệu Hóa.	Các xã: Định Hòa, Định Tân	7926498	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	2023 - 2026	1031/QĐ-UBND ngày 24/3/2022; 3202/QĐ-UBND ngày 03/10/2025	215.620	161.136	160.484	106.000	160.484	106.000	55.136	55.136	39.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT	Hoàn thành và quyết toán dự án theo quy định.
-	Nâng cấp, tu bổ các đoạn xung yếu tuyến đê sông Tiều Thủy, huyện Thọ Xuân.	Xã Thọ Xuân, Sao Vàng	7928899	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Nông lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản	2023 - 2026	313/QĐ-UBND ngày 19/01/2023; 840/QĐ-UBND ngày 19/3/2025; 3546/QĐ-UBND ngày 13/11/2025	29.909	29.909	20.000	20.000	20.000	20.000	9.909	9.909	6.900	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Hoàn thành và quyết toán dự án theo quy định.
-	Tu bổ, nâng cấp đê hữu sông Hoạt đoạn từ K27+700 đến K43+100, huyện Nga Sơn.	Xã Nga Thắng, Ba Đình	7924423	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Nông lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản	2023 - 2026	2389/QĐ-UBND ngày 06/7/2022; 3546/QĐ-UBND ngày 13/11/2025	166.230	125.225	129.005	88.000	129.005	88.000	37.225	37.225	24.700	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT	Hoàn thành và quyết toán dự án theo quy định.
-	Tuyến đường giao thông nối Quốc lộ 10 (tại Km218+245) với đường Phạm Bành thị trấn Hậu Lộc (tại Km0+235), huyện Hậu Lộc.	Xã Hậu Lộc	7928753	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	2022 - 2026	2315/QĐ-UBND ngày 30/6/2022; 3202/QĐ-UBND ngày 03/10/2025	156.450	132.460	132.990	109.000	132.990	109.000	23.460	23.460	10.200	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT	Hoàn thành và quyết toán dự án theo quy định.
-	Đường Đồng Tây 3 nối từ đường tránh Tây Quốc lộ 217 đến đường Hồ Chí Minh và đường tránh Tây Quốc lộ 217 nối Quốc lộ 217, huyện Cẩm Thủy.	Xã Cẩm Thủy	7935384	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	2022 - 2026	3104/QĐ-UBND ngày 19/9/2022; 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	199.786	167.458	135.328	103.000	135.328	103.000	64.458	64.458	42.700	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông	Hoàn thành và quyết toán dự án theo quy định.
-	Đường giao thông kết nối Quốc lộ 217 đi đường tỉnh 508, huyện Hà Trung.	Xã Hà Trung	7929043	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	2022 - 2026	394/QĐ-UBND ngày 24/01/2022; 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	140.000	50.400	89.502	500	89.502	500	50.498	49.900	44.800	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT	Hoàn thành và quyết toán dự án theo quy định.
-	Đường giao thông nối Quốc lộ 45 xã Định Liên với Quốc Lộ 47B, xã Yên Trường, huyện Yên Định.	Các xã :Yên Định, Yên Trường	7926497	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	2022 - 2026	1138/QĐ-UBND ngày 04/4/2022; 3202/QĐ-UBND ngày 03/10/2025	227.394	91.979	182.890	47.475	182.890	47.475	44.504	44.504	35.300	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT	Hoàn thành và quyết toán dự án theo quy định.
-	Đường giao thông từ bản Thủy Thành đi bản Khả - bản Mùa Xuân xã Sơn Thủy, huyện Quan Sơn.	Xã Sơn Thủy	8004792	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	2024 - 2026	4238/QĐ-UBND ngày 13/11/2023	80.000	80.000	63.000	63.000	63.000	63.000	17.000	17.000	9.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông	Hoàn thành và quyết toán dự án theo quy định.

STT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Mã số dự án	Địa điểm mở tài khoản	Ngành, lĩnh vực	Dự kiến thời gian khởi công và hoàn thành (hoặc dự kiến thời gian thực hiện theo thực tế)	Quyết định đầu tư (hoặc quyết định chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt quyết toán)			Đã bố trí vốn đến hết kế hoạch năm 2025		Ước giải ngân từ kế hoạch công đến hết kế hoạch năm 2025		Số vốn còn thiếu đến hết kế hoạch năm 2025		Kế hoạch vốn ngân sách địa phương năm 2026	Chủ đầu tư/đơn vị đề xuất	Ghi chú
							Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư/dự kiến tổng mức đầu tư hoặc giá trị quyết toán		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh			
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
-	Cầu cứng bản Hậu, xã Tam Lư, huyện Quan Sơn.	Xã Tam Lư	8004791	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	2024 - 2026	2711/QĐ-UBND ngày 31/7/2023; 2424/QĐ-UBND ngày 16/7/2025	46.780	46.780	22.000	22.000	22.000	22.000	24.780	24.780	20.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông	Hoàn thành và quyết toán dự án theo quy định.
-	Hệ thống thoát nước khu vực thị trấn Vinh Lộc và các xã phụ cận, huyện Vinh Lộc	Các xã: Vinh Lộc, Tây Đô	7928894	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Cấp thoát nước	2024 - 2026	4897/QĐ-UBND ngày 21/12/2023; 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	42.992	40.992	29.000	27.000	28.946	26.946	14.046	14.046	9.900	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT	Hoàn thành và quyết toán dự án theo quy định.
-	Nâng cấp tuyến đường từ xã Quang Trung - Ngọc Liên - Ngọc Sơn - Ngọc Trung - Lam Sơn, huyện Ngọc Lặc đi xã Thọ Lập, huyện Thọ Xuân.	Huyện Ngọc Lặc (cũ)	7928665	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	2022 - 2026	1095/QĐ-UBND ngày 30/3/2022; 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	167.000	166.819	85.181	85.000	85.181	85.000	81.819	81.819	65.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông	Hoàn thành và quyết toán dự án theo quy định.
-	Đường tránh QL45 vào cụm công nghiệp phía Tây Bắc thị trấn Quán Lào, huyện Yên Định	Xã Yên Định	7611322	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	2017 - 2026	4184/QĐ-UBND ngày 27/10/2016; 651/QĐ-UBND ngày 28/02/2025; 3549/QĐ-UBND ngày 13/11/2025	311.910	181.667	190.243	60.000	190.243	60.000	121.667	121.667	103.500	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT	Hoàn thành và quyết toán dự án theo quy định.
-	Tuyến đường từ thị trấn Thọ Xuân đi trung tâm hành chính mới của huyện Thọ Xuân.	Các xã: Thọ Xuân, xã Xuân Hòa, xã Sao Vàng	7928898	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	2022 - 2026	1015/QĐ-UBND ngày 22/3/2022; 2448/QĐ-UBND ngày 12/7/2022; 3549/QĐ-UBND ngày 13/11/2025	256.400	205.882	200.518	150.000	200.518	150.000	55.882	55.882	35.200	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Hoàn thành và quyết toán dự án theo quy định.
-	Nâng cấp, cải tạo đường Nguyễn Du, thành phố Sầm Sơn	Phường Sầm Sơn	7580360	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	2016 - 2026	4321/QĐ-UBND ngày 28/10/2015; 408/QĐ-UBND ngày 29/01/2018, 2737/QĐ-UBND ngày 13/7/2020; 1672/QĐ-UBND ngày 25/4/2024; 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	159.894	155.935	135.364	131.405	135.364	131.405	24.530	24.530	9.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Hoàn thành và quyết toán dự án theo quy định.

STT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Mã số dự án	Địa điểm mở tài khoản	Ngành, lĩnh vực	Dự kiến thời gian khởi công và hoàn thành (hoặc dự kiến thời gian thực hiện theo thực tế)	Quyết định đầu tư (hoặc quyết định chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt quyết toán)			Đã bố trí vốn đến hết kế hoạch năm 2025		Ước giải ngân từ khi khởi công đến hết kế hoạch năm 2025		Số vốn còn thiếu đến hết kế hoạch năm 2025		Kế hoạch vốn ngân sách địa phương năm 2026	Chủ đầu tư/đơn vị đề xuất	Ghi chú
							Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư/dự kiến tổng mức đầu tư hoặc giá trị quyết toán		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh			
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
-	Nâng cấp tuyến đường từ xã Quang Trung, huyện Ngọc Lặc đi thị trấn Yên Lâm, huyện Yên Định.	Huyện Ngọc Lặc (cũ)	7928666	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	2022 - 2026	971/QĐ-UBND ngày 18/3/2022; 1318/QĐ-UBND ngày 29/4/2025; 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	154.000	145.300	133.700	125.000	133.700	125.000	20.300	20.300	5.800	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông	Hoàn thành và quyết toán dự án theo quy định.
-	Đường giao thông từ xã Thành Sơn huyện Quan Hóa đi huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình.	Xã Trung Thành	7929735	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	2022 - 2026	1184/QĐ-UBND ngày 06/4/2022	59.898	59.898	48.000	48.000	48.000	48.000	11.898	11.898	5.900	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông	Hoàn thành và quyết toán dự án theo quy định.
-	Tuyến đường nối Quốc lộ 47 với Quốc lộ 47C, huyện Thọ Xuân (Giai đoạn 1).	Các xã: Lam Sơn, Sao Vàng	7928897	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	2022 - 2026	1503/QĐ-UBND ngày 04/5/2022; 3549/QĐ-UBND ngày 13/11/2025	175.972	155.717	106.255	86.000	106.255	86.000	69.717	69.717	54.100	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Hoàn thành và quyết toán dự án theo quy định.
-	Nâng cấp tuyến đường giao thông từ bản Nà Ôn đi bản Cò Cài, xã Trung Lý, huyện Mường Lát.	Huyện Mường Lát (cũ)	7928907	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	2023 - 2026	1167/QĐ-UBND ngày 05/4/2022	110.000	110.000	88.000	88.000	88.000	88.000	22.000	22.000	11.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông	Hoàn thành và quyết toán dự án theo quy định.
-	Kiên cố hóa kênh 10 xã, huyện Hậu Lộc.	Các xã: Triệu Lộc, Đông Thành	8014095	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Nông lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản	2024 - 2026	919/QĐ-UBND ngày 06/3/2024	76.500	76.500	29.900	29.900	29.900	29.900	46.600	46.600	38.900	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT	Hoàn thành và quyết toán dự án theo quy định.
-	Đường giao thông từ cầu Thằng Phú (xã Quảng Ngọc) đi Quốc lộ 1A (xã Quảng Bình), huyện Quảng Xương.	Các xã: Quảng Ngọc, Quảng Bình	7930644; 7998276	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	2022 - 2026	2182/QĐ-UBND ngày 22/6/2022; 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	220.000	175.468	152.732	108.200	152.732	108.200	67.268	67.268	49.700	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Hoàn thành và quyết toán dự án theo quy định.
-	Đường giao thông từ Quốc lộ 1A đi đường ven biển từ xã Quảng Chính đi xã Quảng Thạch, huyện Quảng Xương.	Các xã: Quảng Chính, Tiên Trang	7937309	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	2022 - 2026	2861/QĐ-UBND ngày 23/8/2022; 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	175.000	172.425	90.715	88.140	90.715	88.140	84.285	84.285	67.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Hoàn thành và quyết toán dự án theo quy định.
-	Xây dựng cầu Ngọc Lắm 2, xã Trường Giang, huyện Nông Cống	Huyện Nông Cống (cũ)	7929432	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	2022 - 2026	1357/QĐ-UBND ngày 21/4/2022; 3549/QĐ-UBND ngày 13/11/2025	110.000	105.608	79.992	75.600	79.992	75.600	30.008	30.008	19.400	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Hoàn thành và quyết toán dự án theo quy định.

STT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Mã số dự án	Địa điểm mở tài khoản	Ngành, lĩnh vực	Dự kiến thời gian khởi công và hoàn thành (hoặc dự kiến thời gian thực hiện theo thực tế)	Quyết định đầu tư (hoặc quyết định chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt quyết toán)			Đã bố trí vốn đến hết kế hoạch năm 2025		Ước giải ngân từ khâu công đến hết kế hoạch năm 2025		Số vốn còn thiếu đến hết kế hoạch năm 2025		Kế hoạch vốn ngân sách địa phương năm 2026	Chủ đầu tư/đơn vị đề xuất	Ghi chú
							Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư/dự kiến tổng mức đầu tư hoặc giá trị quyết toán		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh			
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
-	Đường Dương Đình Nghệ kéo dài, thành phố Thanh Hóa.	Phường Hạc Thành	7263527; 7333667	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	2010 - 2026	1700/QĐ-UBND ngày 20/5/2010; 1702/QĐ-UBND ngày 06/6/2014; 4139/QĐ-UBND ngày 25/10/2016; 5029/QĐ-UBND ngày 19/12/2024; 3202/QĐ-UBND ngày 03/10/2025	141.720	91.729	103.692	53.701	103.692	53.701	38.028	38.028	3.500	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Hoàn thành và quyết toán dự án theo quy định.
-	Tuyến đường Tây Sầm Sơn 5 (Đoạn từ Đại lộ Nam Sông Mã đến QL 47) và đường Hai Bà Trưng (Đoạn từ Đại lộ Nam Sông Mã đến đường Trần Hưng Đạo), thành phố Sầm Sơn.	Phường Sầm Sơn	7804746	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	2020 - 2026	4532/QĐ-UBND ngày 31/10/2019; 4070/QĐ-UBND ngày 25/9/2020; 1560/QĐ-UBND ngày 19/4/2024	369.533	369.533	285.985	285.985	285.985	285.985	83.548	83.548	30.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Hoàn thành và quyết toán dự án theo quy định.
-	Đường giao thông nối Quốc lộ 47 xã Đông Anh, huyện Đông Sơn với Quốc lộ 45 xã Quảng Yên, huyện Quảng Xương (đoạn từ tỉnh lộ 517 huyện Đông Sơn đi xã Quảng Yên, huyện Quảng Xương).	Các phường Đông Sơn, Đông Quang, Quảng Yên	7804292	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	2019 - 2026	4519/QĐ-UBND ngày 31/10/2019; 4552/QĐ-UBND ngày 01/11/2019; 3202/QĐ-UBND ngày 03/10/2025	187.959	147.988	133.971	94.000	133.971	94.000	53.988	53.988	10.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Hoàn thành và quyết toán dự án theo quy định.
-	Đường giao thông từ xã Đông Nam đến đường vành đai phía Tây thành phố Thanh Hóa tại xã Đông Quang, huyện Đông Sơn.	Phường Đông Quang	7913080	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	2022 - 2026	2188/QĐ-UBND ngày 22/6/2022; 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	159.378	117.282	102.096	60.000	102.096	60.000	57.282	57.282	11.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Hoàn thành và quyết toán dự án theo quy định.
d	Dự án hoàn thành sau năm 2026							3.351.998	2.721.156	1.723.211	1.259.165	1.723.211	1.259.165	1.628.787	1.461.991	354.850		
-	Đầu tư xây dựng mới một số hạng mục công trình để hoàn thiện cơ sở vật chất Bệnh viện Đa khoa huyện Thường Xuân	Xã Thường Xuân	8028255	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Y tế, dân số và gia đình	2023 - 2027	1028/QĐ-UBND ngày 18/03/2024; 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	98.200	6.000	2.200	2.000	2.200	2.000	96.000	4.000	4.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông	T thanh toán khối lượng hoàn thành và tiếp tục thực hiện dự án.

STT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Mã số dự án	Địa điểm mở tài khoản	Ngành, lĩnh vực	Dự kiến thời gian khởi công và hoàn thành (hoặc dự kiến thời gian thực hiện theo thực tế)	Quyết định đầu tư (hoặc quyết định chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt quyết toán)			Đã bố trí vốn đến hết kế hoạch năm 2025		Ước giải ngân từ khi công đến hết kế hoạch năm 2025		Số vốn còn thiếu đến hết kế hoạch năm 2025		Kế hoạch vốn ngân sách địa phương năm 2026	Chủ đầu tư/đơn vị đề xuất	Ghi chú
							Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư/dự kiến tổng mức đầu tư hoặc giá trị quyết toán		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh			
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
-	Đầu tư hoàn thiện cơ sở vật chất Bệnh viện Đa khoa huyện Mường Lát	Xã Mường Lát	8128040	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Y tế, dân số và gia đình	2025 - 2027	4924/QĐ-UBND ngày 13/12/2024	19.990	1.990	720		720		19.270	1.990	1.990	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông	Thanh toán khối lượng hoàn thành và tiếp tục thực hiện dự án.
-	Nâng cấp tuyến đê hữu sông Hoàng đoạn Km28+760 đến Km33+500, huyện Nông Cống	Huyện Nông Cống (cũ)	8001561	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản	2024 - 2027	3666/QĐ-UBND ngày 10/10/2023	59.000	59.000	8.100	8.100	8.100	8.100	50.900	50.900	15.500	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Thanh toán khối lượng hoàn thành và tiếp tục thực hiện dự án.
-	Nâng cấp, mở rộng đường từ xã Xuân Cao đi xã Luận Thành, huyện Thường Xuân	Xã Luận Thành	7925721	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	2024 - 2027	4979/QĐ-UBND ngày 26/12/2023	80.000	80.000	24.000	24.000	24.000	24.000	56.000	56.000	8.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông	Thanh toán khối lượng hoàn thành và tiếp tục thực hiện dự án.
-	Đường giao thông từ xã Thượng Ninh, huyện Như Xuân đi xã Phương Nghi, huyện Như Thanh.	Xã Thượng Ninh	8011419	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	2024 - 2027	3657/QĐ-UBND ngày 10/9/2024	45.400	45.400	15.000	15.000	15.000	15.000	30.400	30.400	3.160	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Thanh toán khối lượng hoàn thành và tiếp tục thực hiện dự án.
-	Đường nối tiếp cầu Tô Rông đi xã Ngọc Phụng giao với Quốc lộ 47, huyện Thường Xuân	Xã Thường Xuân	8075456	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	2024 - 2027	181/QĐ-UBND ngày 16/01/2025; 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	199.100	116.500	65.500	23.500	65.500	23.500	133.600	93.000	23.100	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông	Thanh toán khối lượng hoàn thành và tiếp tục thực hiện dự án.
-	Công trình hệ thống hạ tầng kỹ thuật thị trấn Yên Cát, huyện Như Xuân.	Xã Như Xuân	8011418	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Công trình công cộng đô thị	2024 - 2027	937/QĐ-UBND ngày 01/4/2025	68.428	68.428	15.500	15.500	15.500	15.500	52.928	52.928	11.800	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Thanh toán khối lượng hoàn thành và tiếp tục thực hiện dự án.
-	Khu lưu niệm đồng bào, cán bộ, chiến sỹ và học sinh miền nam tập kết ra Bắc tại phường Quảng Tiến, thành phố Sầm Sơn.	Phường Sầm Sơn	7968736	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Văn hóa	2022 - 2027	5231/QĐ-UBND ngày 20/12/2021; 2799/QĐ-UBND ngày 07/8/2023; 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	254.924	169.322	145.186	76.500	145.186	76.500	109.738	92.822	10.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Thanh toán khối lượng hoàn thành và tiếp tục thực hiện dự án.
-	Mở rộng đại lộ Lê Lợi đoạn từ ngã tư Phú Sơn đến cầu Đồng, thành phố Thanh Hóa	Phường Đồng Quang, Hạc Thành	7931069; 8101542	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	2022 - 2027	1563/QĐ-UBND ngày 11/5/2023; 3202/QĐ-UBND ngày 03/10/2025	1.008.416	977.710	600.706	570.000	600.706	570.000	407.710	407.710	60.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Thanh toán khối lượng hoàn thành và tiếp tục thực hiện dự án.

STT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Mã số dự án	Địa điểm mở tài khoản	Ngành, lĩnh vực	Dự kiến thời gian khởi công và hoàn thành (hoặc dự kiến thời gian thực hiện theo thực tế)	Quyết định đầu tư (hoặc quyết định chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt quyết toán)			Đã bố trí vốn đến hết kế hoạch năm 2025		Ước giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm 2025		Số vốn còn thiếu đến hết kế hoạch năm 2025		Kế hoạch vốn ngân sách địa phương năm 2026	Chủ đầu tư/đơn vị đề xuất	Ghi chú
							Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư/dự kiến tổng mức đầu tư hoặc giá trị quyết toán		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh			
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
-	Đường giao thông nối từ đường Trần Phú đến đường Nam Bim Sơn 6, thị xã Bim Sơn.	Phường Bim Sơn	7927534	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	2022 - 2027	1109/QĐ-UBND ngày 31/3/2022; 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	335.998	188.551	147.947	500	147.947	500	188.051	188.051	50.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT	Thanh toán khối lượng hoàn thành và tiếp tục thực hiện dự án.
-	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Thịnh - Đông, huyện Hoằng Hóa (giai đoạn 2).	Xã Hoằng Thanh	7930159	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	2022 - 2027	1258/QĐ-UBND ngày 13/4/2022; 3549/QĐ-UBND ngày 13/11/2025	200.000	174.063	103.437	77.500	103.437	77.500	96.563	96.563	30.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT	Thanh toán khối lượng hoàn thành và tiếp tục thực hiện dự án.
-	Đường nối khu công nghiệp Tượng Lĩnh đi tỉnh lộ 525, huyện Nông Cống.	Huyện Nông Cống (cũ)	7968500	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	2023 - 2027	496/QĐ-UBND ngày 13/02/2023; 3549/QĐ-UBND ngày 13/11/2025	89.000	89.000	45.000	45.000	45.000	45.000	44.000	44.000	17.300	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Thanh toán khối lượng hoàn thành và tiếp tục thực hiện dự án.
-	Đường tránh thị trấn Kim Tân, huyện Thạch T hành (GD 1).	Xã Kim Tân	7931585	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	2022 - 2027	912/QĐ-UBND ngày 14/3/2022; 3549/QĐ-UBND ngày 13/11/2025	247.949	207.091	142.458	101.600	142.458	101.600	105.491	105.491	40.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT	Thanh toán khối lượng hoàn thành và tiếp tục thực hiện dự án.
-	Cầu trung tâm đô thị thị trấn Cảnh Năng, huyện Bá Thước và đường nối đường tránh thị trấn Cảnh Năng, huyện Bá Thước đi tỉnh lộ 523D, huyện Bá Thước .	Xã Bá Thước	7913230; 8023980	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	2022 - 2027	2850/QĐ-UBND ngày 22/8/2022	213.593	213.593	124.097	124.097	124.097	124.097	89.496	89.496	30.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông	Thanh toán khối lượng hoàn thành và tiếp tục thực hiện dự án.
-	Đường giao thông kết nối khu đô thị Hà Lĩnh (nút giao cao tốc tại xã Hà Lĩnh) - Cụm di tích Đền Hàn, Cỏ Bơ xã Hà Sơn, huyện Hà Trung.	Xã Hà Lĩnh, Hà Sơn	7929044	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	2022 - 2027	4544/QĐ-UBND ngày 15/11/2021; 1828/QĐ-UBND ngày 27/5/2022; 3549/QĐ-UBND ngày 13/11/2025	150.000	114.508	97.360	61.868	97.360	61.868	52.640	52.640	20.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT	Thanh toán khối lượng hoàn thành và tiếp tục thực hiện dự án.
-	Nâng cấp, cải tạo tuyến tỉnh lộ 505, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa	Các xã: Yên Thọ, Thằng Long, Công Chính	7929431	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	2022 - 2027	2637/QĐ-UBND ngày 03/8/2022; 3549/QĐ-UBND ngày 13/11/2025	282.000	210.000	186.000	114.000	186.000	114.000	96.000	96.000	30.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Thanh toán khối lượng hoàn thành và tiếp tục thực hiện dự án.
e	Dự án khởi công mới năm 2026							47.000	47.000					47.000	47.000	15.000		

STT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Mã số dự án	Địa điểm mở tài khoản	Ngành, lĩnh vực	Dự kiến thời gian khởi công và hoàn thành (hoặc dự kiến thời gian thực hiện theo thực tế)	Quyết định đầu tư (hoặc quyết định chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt quyết toán)			Đã bố trí vốn đến hết kế hoạch năm 2025		Ước giải ngân từ khi khởi công đến hết kế hoạch năm 2025		Số vốn còn thiếu đến hết kế hoạch năm 2025		Kế hoạch vốn ngân sách địa phương năm 2026	Chủ đầu tư/đơn vị đề xuất	Ghi chú
							Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư/dự kiến tổng mức đầu tư hoặc giá trị quyết toán		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh			
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
-	Đường từ xã Phú Xuân đến xã Phú Sơn, huyện Quan Hóa	Huyện Quan Hóa (cũ)	8160577	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	2026 - 2028	613/QĐ-UBND ngày 27/2/2025	47.000	47.000					47.000	47.000	15.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông	Triển khai thực hiện dự án.
B	KẾ HOẠCH VỐN CÒN LẠI GIAO ĐỢT SAU							12.610.215	8.442.300	2.000	2.000	2.000	2.000	12.608.215	8.440.300	206.682		

**Phụ biểu 1: KẾ HOẠCH NĂM 2026 CỦA NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG ĐỐI ỨNG THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN CỦA HOẠT ĐỘNG 1,
TIÊU DỰ ÁN 1, DỰ ÁN 1 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGÈO BỀN VỮNG (giao đợt 2)**

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Mã dự án đầu tư	Địa điểm mở tài khoản	Ngành, lĩnh vực	Dự kiến thời gian khởi công và hoàn thành (hoặc dự kiến thời gian thực hiện theo thực tế)	Quyết định đầu tư (hoặc quyết định phê duyệt quyết toán)			Lũy kế vốn đã bố trí vốn đến hết năm 2025		Ước giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm 2025		Số vốn còn thiếu đến hết năm 2025		Kế hoạch vốn ngân sách địa phương năm 2026	Chủ đầu tư	Ghi chú
							Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư (hoặc giá trị quyết toán)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
	TỔNG SỐ							1.071.154	117.712	967.050	16.247	966.951	16.247	104.203	101.465	91.412		
	KẾ HOẠCH VỐN GIAO ĐỢT NÀY							1.071.154	117.712	967.050	16.247	966.951	16.247	104.203	101.465	91.412		
I	HUYỆN THƯỜNG XUÂN (cũ)							110.216	26.158	97.666	13.608	97.666	13.608	12.550	12.550	9.800		
a	Dự án đã hoàn thành nhưng chưa có quyết toán							110.216	26.158	97.666	13.608	97.666	13.608	12.550	12.550	9.800		
1	Đường giao thông từ xã Thọ Thanh đi xã Xuân Cẩm, huyện Thường Xuân.	Xã Thường Xuân	7806975	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	2019 - 2025	2059/QĐ-UBND ngày 05/6/2020; 3688/QĐ-UBND ngày 21/9/2021; 803/QĐ-UBND ngày 13/3/2023; 900/QĐ-UBND ngày 27/3/2025; 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	56.209	8.510	47.699		47.699		8.510	8.510	7.600	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông	Thanh toán khối lượng hoàn thành theo quy định; số vốn còn thiếu sẽ bố trí sau khi dự án có quyết toán được duyệt.
2	Đường giao thông từ thôn Buồng xã Luận Khê đi thôn Pà Cầu xã Xuân Lộc, huyện Thường Xuân.	Các xã: Thăng Lộc, Tân Thành	7806976	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	2019 - 2024	1814/QĐ-UBND ngày 22/5/2020; 4042/QĐ-UBND ngày 09/10/2024; 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	54.007	17.648	49.967	13.608	49.967	13.608	4.040	4.040	2.200	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông	Thanh toán khối lượng hoàn thành theo quy định; số vốn còn thiếu sẽ bố trí sau khi dự án có quyết toán được duyệt.
II	HUYỆN LANG CHÁNH (cũ)							260.110	36.034	224.076		223.977		36.133	36.034	32.936		
a	Dự án đã hoàn thành có quyết toán được duyệt							53.736	5.136	48.600		48.600		5.136	5.136	5.136		
1	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông từ xã Tân Phúc, huyện Lang Chánh đi xã Văn Nho, huyện Bá Thước.	Xã Đồng Lương	7800858	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	2021 - 2022	3242/QĐ-UBND ngày 09/10/2025; 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	53.736	5.136	48.600		48.600		5.136	5.136	5.136	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông	Thanh toán số vốn còn thiếu theo quyết toán được duyệt.
b	Dự án đã hoàn thành nhưng chưa có quyết toán							29.999	3.000	26.999		26.900		3.099	3.000	2.700		

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Mã dự án đầu tư	Địa điểm mở tài khoản	Ngành, lĩnh vực	Dự kiến thời gian khởi công và hoàn thành (hoặc dự kiến thời gian thực hiện theo thực tế)	Quyết định đầu tư (hoặc quyết định phê duyệt quyết toán)			Lũy kế vốn đã bố trí vốn đến hết năm 2025		Ước giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm 2025		Số vốn còn thiếu đến hết năm 2025		Kế hoạch vốn ngân sách địa phương năm 2026	Chủ đầu tư	Ghi chú
							Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư (hoặc giá trị quyết toán)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
1	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông từ thôn Phổng - Áng đi thôn Chiếu xã Quang Hiến, huyện Lang Chánh.	Xã Linh Sơn	7800859	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	2019 - 2022	1716/QĐ-UBND ngày 18/5/2020; 303/QĐ-UBND ngày 18/01/2022; 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	29.999	3.000	26.999		26.900		3.099	3.000	2.700	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông	Thanh toán khối lượng hoàn thành theo quy định; số vốn còn thiếu sẽ bố trí sau khi dự án có quyết toán được duyệt.
c	Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2026							176.375	27.898	148.477		148.477		27.898	27.898	25.100		
1	Đường giao thông từ bản Vắn đi bản Pao đi bản Vắn, xã Yên Thắng đi bản Chiềng Nưa, xã Yên Khương, huyện Lang Chánh.	Xã Yên Thắng	7994461	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	2022 - 2026	572/QĐ-UBND ngày 10/5/2023; 973/QĐ-UBND ngày 19/6/2025; 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	64.750	17.750	47.000		47.000		17.750	17.750	16.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông	Hoàn thành và quyết toán dự án theo quy định.
2	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường giao thông từ bản En đi bản Năng Cát xã Trí Nang, huyện Lang Chánh.	Xã Linh Sơn	8000518	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	2022 - 2026	1248/QĐ-UBND ngày 05/4/2023, 1574/QĐ-UBND ngày 14/11/2023; 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	48.950	4.450	44.500		44.500		4.450	4.450	4.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông	Hoàn thành và quyết toán dự án theo quy định.
3	Đường giao thông từ bản Ngâm Pốc đi bản Con, bản Vịn, xã Yên Thắng, huyện Lang Chánh.	Xã Yên Thắng	8000299	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	2022 - 2026	2306/QĐ-UBND ngày 27/12/2022; 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	37.950	3.450	34.500		34.500		3.450	3.450	3.100	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông	Hoàn thành và quyết toán dự án theo quy định.
4	Nâng cấp đường giao thông từ thôn Pong đi thôn Khụ xã Giao Thiện, huyện Lang Chánh.	Xã Giao An	8000159	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	2022 - 2026	2338/QĐ-UBND ngày 29/12/2022; 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	24.725	2.248	22.477		22.477		2.248	2.248	2.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông	Hoàn thành và quyết toán dự án theo quy định.
III	HUYỆN QUAN HÓA (cũ)							237.337	19.725	217.612	2.639	217.612	2.639	19.725	17.086	15.859		
a	Dự án đã hoàn thành có quyết toán được duyệt							101.758	7.168	94.590	2.639	94.590	2.639	7.168	4.529	4.529		
1	Nâng cấp đường giao thông bản Giá, xã Thanh Xuân (xã Phú Xuân mới), huyện Quan Hóa.	Xã Phú Xuân	7809790	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	2020 - 2022	4973/QĐ-UBND ngày 26/12/2023	24.169	1.669	22.500		22.500		1.669	1.669	1.669	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông	Thanh toán số vốn còn thiếu theo quyết toán được duyệt.
2	Đường giao thông đi bản Cá đi bản Buộc Hiềng xã Trung Thành, huyện Quan Hóa.	Xã Trung Thành	7981915	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	2024	897/QĐ-UBND ngày 07/5/2025	8.200	200	8.000		8.000		200	200	200	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông	Thanh toán số vốn còn thiếu theo quyết toán được duyệt.

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Mã dự án đầu tư	Địa điểm mở tài khoản	Ngành, lĩnh vực	Dự kiến thời gian khởi công và hoàn thành (hoặc dự kiến thời gian thực hiện theo thực tế)	Quyết định đầu tư (hoặc quyết định phê duyệt quyết toán)			Lũy kế vốn đã bố trí vốn đến hết năm 2025		Ước giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm 2025		Số vốn còn thiếu đến hết năm 2025		Kế hoạch vốn ngân sách địa phương năm 2026	Chủ đầu tư	Ghi chú
							Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư (hoặc giá trị quyết toán)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
3	Nâng cấp mở rộng đường giao thông từ QL15C đi Bán Bút, xã Nam Xuân, huyện Quan Hóa.	Xã Nam Xuân	7981916	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	2022 - 2024	874/QĐ-UBND ngày 29/4/2025	10.322	322	10.000		10.000		322	322	322	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông	Thanh toán số vốn còn thiếu theo quyết toán được duyệt.
4	Nâng cấp phòng học và các công trình phụ trợ Trường Mầm non Khu Háng, Khu Dôi, xã Thiên Phú, huyện Quan Hóa.	Xã Thiên Phú	8053688	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giáo dục và đào tạo	2024 - 2025	977/QĐ-UBND ngày 19/5/2025	14.838	1.238	13.600		13.600		1.238	1.238	1.238	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông	Thanh toán số vốn còn thiếu theo quyết toán được duyệt.
5	Đường giao thông từ bản Bá, xã Phú Xuân đi bản Vui, xã Thanh Xuân, huyện Quan Hóa.	Xã Phú Xuân	7809732	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	2023 - 2025	3032/QĐ-UBND ngày 11/9/2025	44.229	3.739	40.490	2.639	40.490	2.639	3.739	1.100	1.100	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông	Thanh toán số vốn còn thiếu theo quyết toán được duyệt.
b	Dự án đã hoàn thành nhưng chưa có quyết toán							91.579	8.557	83.022		83.022		8.557	8.557	7.730		
1	Nâng cấp đường giao thông bản Pượn, xã Trung Sơn, huyện Quan Hóa.	Xã Trung Sơn	7809733	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	2020 - 2024	1916/QĐ-UBND ngày 27/5/2020	25.532	2.553	22.979		22.979		2.553	2.553	2.300	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông	Thanh toán khối lượng hoàn thành theo quy định; số vốn còn thiếu sẽ bố trí sau khi dự án có quyết toán được duyệt.
2	Đường giao thông bản Tang đi bản Sậy xã Trung Thành, huyện Quan Hóa.	Xã Trung Thành	7981913	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	2022 - 2024	800/QĐ-UBND ngày 13/3/2023	33.000	3.000	30.000		30.000		3.000	3.000	2.700	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông	Thanh toán khối lượng hoàn thành theo quy định; số vốn còn thiếu sẽ bố trí sau khi dự án có quyết toán được duyệt.
3	Đường giao thông từ bản Bâu, xã Nam Động đi bản Súa, xã Sơn Điện, huyện Quan Sơn.	Xã Thiên Phú	7981917	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	2023 - 2024	817/QĐ-UBND ngày 31/5/2023; 1949/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	25.347	2.304	23.043		23.043		2.304	2.304	2.100	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông	Thanh toán khối lượng hoàn thành theo quy định; số vốn còn thiếu sẽ bố trí sau khi dự án có quyết toán được duyệt.
4	Nâng cấp đường giao thông từ cầu treo bản Bâu đi bản Nót xã Nam Động, huyện Quan Hóa.	Xã Thiên Phú	8053687	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	2023 - 2024	2241/QĐ-UBND ngày 18/12/2023	7.700	700	7.000		7.000		700	700	630	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông	Thanh toán khối lượng hoàn thành theo quy định; số vốn còn thiếu sẽ bố trí sau khi dự án có quyết toán được duyệt.

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Mã dự án đầu tư	Địa điểm mở tài khoản	Ngành, lĩnh vực	Dự kiến thời gian khởi công và hoàn thành (hoặc dự kiến thời gian thực hiện theo thực tế)	Quyết định đầu tư (hoặc quyết định phê duyệt quyết toán)			Lũy kế vốn đã bố trí vốn đến hết năm 2025		Ước giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm 2025		Số vốn còn thiếu đến hết năm 2025		Kế hoạch vốn ngân sách địa phương năm 2026	Chủ đầu tư	Ghi chú
							Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư (hoặc giá trị quyết toán)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
c	Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2026							44.000	4.000	40.000		40.000		4.000	4.000	3.600		
1	Cầu và Đường từ bản Uôn đi bản Páng xã Phú Thanh, huyện Quan Hóa.	Xã Phú Lệ	7981914	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	2023 - 2026	1977/QĐ-UBND ngày 20/11/2023, 2434/QĐ-UBND ngày 30/12/2024	44.000	4.000	40.000		40.000		4.000	4.000	3.600	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông	Hoàn thành và quyết toán dự án theo quy định
IV	HUYỆN QUAN SƠN (cũ)							255.830	16.920	238.910		238.910		16.920	16.920	15.967		
a	Dự án đã hoàn thành có quyết toán được duyệt							157.343	7.967	149.376		149.376		7.967	7.967	7.967		
1	Nối tiếp đường giao thông Trung Thượng - Sơn Lư đến đường Tây Thanh Hóa, huyện Quan Sơn.	Xã Quan Sơn	7445491	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	2015 - 2020	2563/QĐ-UBND ngày 14/7/2021; 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	36.840	390	36.450		36.450		390	390	390	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông	Thanh toán số vốn còn thiếu theo quyết toán được duyệt.
2	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông liên xã Tam Lư - Tam Thanh, huyện Quan Sơn.	Xã Tam Thanh	7611461	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	2021 - 2022	2288/QĐ-UBND ngày 28/6/2023; 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	53.697	4.769	48.928		48.928		4.769	4.769	4.769	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông	Thanh toán số vốn còn thiếu theo quyết toán được duyệt.
3	Đường từ bản Sơn đi bản Ché Lầu, xã Na Mèo, huyện Quan Sơn.	Xã Na Mèo	7805818	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	2021 - 2023	3618/QĐ-UBND ngày 09/9/2024; 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	45.672	1.545	44.127		44.127		1.545	1.545	1.545	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông	Thanh toán số vốn còn thiếu theo quyết toán được duyệt.
4	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên xã Sơn Thủy - Na Mèo, huyện Quan Sơn.	Xã Sơn Thủy	7990685	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	2022 - 2025	4153/QĐ-UBND ngày 28/11/2020; 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025; 3607/QĐ-UBND ngày 19/11/2025	21.134	1.263	19.871		19.871		1.263	1.263	1.263	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông	Thanh toán số vốn còn thiếu theo quyết toán được duyệt.
b	Dự án đã hoàn thành nhưng chưa có quyết toán							98.487	8.953	89.534		89.534		8.953	8.953	8.000		
1	Đường giao thông liên xã từ bản Ché Lầu xã Na Mèo đi bản Mùa Xuân, xã Sơn Thủy, huyện Quan Sơn.	Xã Sơn Thủy	7990686	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	2022 - 2025	1315/QĐ-UBND ngày 30/8/2023; 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	43.874	3.989	39.885		39.885		3.989	3.989	3.600	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông	Thanh toán khối lượng hoàn thành theo quy định; số vốn còn thiếu sẽ bố trí sau khi dự án có quyết toán được duyệt.

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Mã dự án đầu tư	Địa điểm mở tài khoản	Ngành, lĩnh vực	Dự kiến thời gian khởi công và hoàn thành (hoặc dự kiến thời gian thực hiện theo thực tế)	Quyết định đầu tư (hoặc quyết định phê duyệt quyết toán)			Lũy kế vốn đã bố trí vốn đến hết năm 2025		Ước giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm 2025		Số vốn còn thiếu đến hết năm 2025		Kế hoạch vốn ngân sách địa phương năm 2026	Chủ đầu tư	Ghi chú
							Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư (hoặc giá trị quyết toán)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
2	Nâng cấp Đường giao thông liên xã Trung Hạ-Trung Xuân, huyện Quan Sơn.	Xã Trung Hạ	7990688	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	2022 - 2025	1122/QĐ-UBND ngày 06/4/2023; 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	32.874	2.989	29.885		29.885		2.989	2.989	2.700	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông	Thanh toán khối lượng hoàn thành theo quy định; số vốn còn thiếu sẽ bố trí sau khi dự án có quyết toán được duyệt.
3	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nối QL.217 đi Đồn Biên phòng Mường Mìn, huyện Quan Sơn.	Xã Mường Mìn	7990687	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	2022 - 2025	4684/QĐ-UBND ngày 27/12/2022; 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	21.740	1.976	19.764		19.764		1.976	1.976	1.700	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông	Thanh toán khối lượng hoàn thành theo quy định; số vốn còn thiếu sẽ bố trí sau khi dự án có quyết toán được duyệt.
V	HUYỆN MƯỜNG LAT (cũ)							207.661	18.875	188.786		188.786		18.875	18.875	16.850		
a	Dự án đã hoàn thành nhưng chưa có quyết toán							92.946	8.446	84.500		84.500		8.446	8.446	7.550		
1	Đập, mương Suối Hào, bản Púng, xã Quang Chiêu, huyện Mường Lát.	Xã Quang Chiêu	8048160	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản	2023 - 2024	1533/QĐ-UBND ngày 08/9/2023	4.288	388	3.900		3.900		388	388	350	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông	Thanh toán khối lượng hoàn thành theo quy định; số vốn còn thiếu sẽ bố trí sau khi dự án có quyết toán được duyệt.
2	Nâng cấp, cải tạo đường từ cầu Mường Lát đi khu phố Đoàn Kết thị trấn Mường Lát, huyện Mường Lát.	Các xã: Mường Lát, Tam Chung	7981907	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	2023 - 2025	1546/QĐ-UBND ngày 14/9/2023	32.998	2.998	30.000		30.000		2.998	2.998	2.700	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông	Thanh toán khối lượng hoàn thành theo quy định; số vốn còn thiếu sẽ bố trí sau khi dự án có quyết toán được duyệt.
3	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông từ thị trấn đi bản Tân Hương, xã Tam Chung, huyện Mường Lát.	Xã Tam Chung	7981912	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	2022 - 2024	4743/QĐ-UBND ngày 29/12/2022	17.160	1.560	15.600		15.600		1.560	1.560	1.400	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông	Thanh toán khối lượng hoàn thành theo quy định; số vốn còn thiếu sẽ bố trí sau khi dự án có quyết toán được duyệt.
4	Đường giao thông từ bản Tài Chánh, xã Mường Lý, huyện Mường Lát đi xã Tân Xuân, huyện Văn Hồ, tỉnh Sơn La.	Xã Mường Lý	7981906	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	2023 - 2025	1556/QĐ-UBND ngày 15/9/2023; 1638/QĐ-UBND ngày 18/9/2023	38.500	3.500	35.000		35.000		3.500	3.500	3.100	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông	Thanh toán khối lượng hoàn thành theo quy định; số vốn còn thiếu sẽ bố trí sau khi dự án có quyết toán được duyệt.

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Mã dự án đầu tư	Địa điểm mở tài khoản	Ngành, lĩnh vực	Dự kiến thời gian khởi công và hoàn thành (hoặc dự kiến thời gian thực hiện theo thực tế)	Quyết định đầu tư (hoặc quyết định phê duyệt quyết toán)			Lũy kế vốn đã bố trí vốn đến hết năm 2025		Ước giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm 2025		Số vốn còn thiếu đến hết năm 2025		Kế hoạch vốn ngân sách địa phương năm 2026	Chủ đầu tư	Ghi chú
							Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư (hoặc giá trị quyết toán)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
b	Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2026							114.715	10.429	104.286		104.286		10.429	10.429	9.300		
1	Đường giao thông từ bản Pá Quăn đi bản Tà Cóm, xã Trung Lý, huyện Mường Lát.	Xã Trung Lý	7981908	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	2023 - 2026	928/QĐ-UBND ngày 21/3/2023	62.700	5.700	57.000		57.000		5.700	5.700	5.100	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông	Hoàn thành và quyết toán dự án theo quy định.
2	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông từ đường Tây Thanh Hóa đi bản Ün-Sải Khao, huyện Mường Lát.	Xã Mường Lý	7981911	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	2023 - 2026	1554/QĐ-UBND ngày 14/9/2023	33.315	3.029	30.286		30.286		3.029	3.029	2.700	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông	Hoàn thành và quyết toán dự án theo quy định.
3	Đường Xa Lao - Bản Tung, Xã Trung Lý, huyện Mường Lát.	Xã Trung Lý	7981910	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	2022 - 2026	1555/QĐ-UBND ngày 14/9/2023	18.700	1.700	17.000		17.000		1.700	1.700	1.500	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông	Hoàn thành và quyết toán dự án theo quy định.

Phụ biểu 2: KẾ HOẠCH NĂM 2026 ĐỐI VỚI NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG
(ĐỐI VỚI CÁC DỰ ÁN DO CẤP HUYỆN QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ, QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ BÀN GIAO VỀ CẤP TỈNH QUẢN LÝ)

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Mã số dự án	Địa điểm mở tài khoản	Ngành, lĩnh vực	Dự kiến thời gian khởi công và hoàn thành (hoặc dự kiến thời gian thực hiện theo thực tế)	Quyết định đầu tư, quyết định phê duyệt quyết toán; quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	TMDT (hoặc dự kiến TMDT); giá trị quyết toán		Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2025		Ước giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm 2025		Số vốn còn thiếu đến hết KH năm 2025		Kế hoạch vốn ngân sách địa phương năm 2026	Chủ đầu tư	Ghi chú
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
	TỔNG SỐ							6.623.265	4.073.248	3.466.619	975.819	3.466.619	975.819	3.156.645	3.097.429	807.246		
I	THÀNH PHỐ THANH HÓA (cũ)							3.377.149	2.413.729	1.527.517	568.265	1.527.517	568.265	1.849.632	1.845.464	442.800		
a	Dự án đã hoàn thành chưa có quyết toán được duyệt							253.025	64.010	202.015	13.000	202.015	13.000	51.010	51.010	44.000		
1	Hạ tầng kỹ thuật khu ở và thương mại phía Nam trường SOS, thuộc khu đô thị Đông Sơn, thành phố Thanh Hóa (MBQH số 30/QĐ-UBND ngày 04/01/2023)	Phường Quảng Phú	7567722	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Hạ tầng kỹ thuật	2017 - 2025	8322/QĐ-UBND ngày 13/9/2023; 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	253.025	64.010	202.015	13.000	202.015	13.000	51.010	51.010	44.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Thanh toán khối lượng hoàn thành theo quy định; số vốn còn thiếu sẽ bố trí sau khi dự án có quyết toán được duyệt.
b	Dự án chuyển tiếp hoàn thành trong năm 2026							844.612	450.416	617.496	223.300	617.496	223.300	227.116	227.116	161.800		
1	Cầu vượt đường sắt và đường hai đầu cầu thuộc tuyến Đại lộ Đông Tây, thành phố Thanh Hóa	Phường Hạc Thành	8026369	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	2023 - 2026	11275/QĐ-UBND ngày 8/12/2023; 3150/QĐ-UBND ngày 25/9/2025	647.120	412.160	454.961	220.000	454.961	220.000	192.159	192.160	150.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Hoàn thành và quyết toán dự án theo quy định.
2	Cải tạo, chỉnh trang vỉa hè, hệ thống điện chiếu sáng Đường Bà Triệu (QL 1A cũ), đoạn từ Ngã năm Đình Hương đến Quảng Trường Hàm Rồng	Phường Hàm Rồng	8120677	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	2025 - 2026	9593/QĐ-UBND ngày 18/11/2024; 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	29.125	12.433	19.992	3.300	19.992	3.300	9.133	9.133	7.800	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Hoàn thành và quyết toán dự án theo quy định.
3	Hạ tầng kỹ thuật và GPMB khu dân cư, tái định cư xã Quảng Thắng (MBQH kèm theo QĐ số 4237/QĐ-UBND ngày 23/9/2021, MB 1858 ngày 23/4/2012 điều chỉnh MBQH số 1821/UBND-QLĐT ngày 20/10/2009)	Phường Đông Quang, Hạc Thành	7206909	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Hạ tầng kỹ thuật	2010 - 2026	1066/QĐ-UBND ngày 03/3/2010; 21885/QĐ-UBND ngày 20/12/2016; 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	168.367	25.824	142.543		142.543		25.824	25.824	4.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Hoàn thành và quyết toán dự án theo quy định.

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Mã số dự án	Địa điểm mở tài khoản	Ngành, lĩnh vực	Dự kiến thời gian khởi công và hoàn thành (hoặc dự kiến thời gian thực hiện theo thực tế)	Quyết định đầu tư, quyết định phê duyệt; quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	TMDT (hoặc dự kiến TMDT); giá trị quyết toán		Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2025		Ước giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm 2025		Số vốn còn thiếu đến hết KH năm 2025		Kế hoạch vốn ngân sách địa phương năm 2026	Chủ đầu tư	Ghi chú
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
c	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2026							2.279.512	1.899.302	708.006	331.965	708.006	331.965	1.571.506	1.567.338	237.000		
1	Cải tạo, nâng cấp đường Nguyễn Phúc, phường Quảng Thắng, thành phố Thanh Hóa.	Phường Hạc Thành; Phường Đồng Quang	7754576; 7641744	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	2021 - 2027	2196/QĐ-UBND ngày 19/3/2019; 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	202.399	173.114	67.251	37.997	67.251	37.997	135.148	135.118	14.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Thanh toán khối lượng hoàn thành và tiếp tục thực hiện dự án.
2	Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư phường Phú Sơn, thành phố Thanh Hoá (MBQH số 73/UB-CN).	Phường Đồng Quang, Hạc Thành, Đồng Tiến	7206560	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Hạ tầng kỹ thuật	2010 - 2027	2452/QĐ-UBND ngày 23/7/2009; 5951/QĐ-UBND ngày 09/7/2024; 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	268.268	97.930	175.338	5.000	175.338	5.000	92.930	92.930	24.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Thanh toán khối lượng hoàn thành và tiếp tục thực hiện dự án.
3	Mở rộng Đại lộ Đông Tây, thành phố Thanh Hóa (đoạn từ cầu Cao đến thị trấn Rừng Thông)	Phường Hạc Thành, Đông Sơn	8128580	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	2025 - 2028	168/QĐ-UBND ngày 03/01/2025; 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	269.000	264.238	10.623	10.000	10.623	10.000	258.377	254.238	69.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Thanh toán khối lượng hoàn thành và tiếp tục thực hiện dự án.
4	Đại Lộ Nam Sông Mã giai đoạn 2, đoạn từ phường Quảng Hưng đến hết địa phận phường Quảng Tâm	Phường Quảng Phú	8109338	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	2025 - 2028	8019/QĐ-UBND ngày 13/9/2024; 3150/QĐ-UBND ngày 25/9/2025	1.442.527	1.273.351	440.144	270.968	440.144	270.968	1.002.383	1.002.383	111.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Thanh toán khối lượng hoàn thành và tiếp tục thực hiện dự án.
5	Hệ thống giao thông kết nối và hạ tầng kỹ thuật tại mật bằng Dự án Trung tâm Thương mại tại phường Quảng Thành	Phường Quảng Phú	8083874	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	2024 - 2027	7529/QĐ-UBND ngày 23/8/2024; 3150/QĐ-UBND ngày 25/9/2025; 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	97.319	90.669	14.650	8.000	14.650	8.000	82.669	82.669	19.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Thanh toán khối lượng hoàn thành và tiếp tục thực hiện dự án.
II	HUYỆN THỌ XUÂN (cũ)							461.000	451.400	85.216	75.616	85.216	75.616	375.784	375.784	60.000		
a	Dự án hoàn thành sau năm 2026							461.000	451.400	85.216	75.616	85.216	75.616	375.784	375.784	60.000		

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Mã số dự án	Địa điểm mở tài khoản	Ngành, lĩnh vực	Dự kiến thời gian khởi công và hoàn thành (hoặc dự kiến thời gian thực hiện theo thực tế)	Quyết định đầu tư, quyết định phê duyệt quyết toán; quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	TMDT (hoặc dự kiến TMDT); giá trị quyết toán		Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2025		Ước giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm 2025		Số vốn còn thiếu đến hết KH năm 2025		Kế hoạch vốn ngân sách địa phương năm 2026	Chủ đầu tư	Ghi chú
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
1	Tuyến đường số 8 Đô thị Lam Sơn-Sao Vàng	Xã Sao Vàng	8125933	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	2025 - 2028	1117/QĐ-UBND ngày 10/3/2025; 3150/QĐ-UBND ngày 25/9/2025	461.000	451.400	85.216	75.616	85.216	75.616	375.784	375.784	60.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Thanh toán khối lượng hoàn thành và tiếp tục thực hiện dự án.
III	HUYỆN HÀ TRUNG (cũ)							671.244	326.310	299.285	9.400	299.285	9.400	371.960	316.910	104.200		
a	Dự án chuyển tiếp hoàn thành trong năm 2026							31.244	28.502	12.142	9.400	12.142	9.400	19.102	19.102	16.200		
1	Kè chống sạt lở đê hữu sông Hoạt đoạn từ Yên Dương đến Hà Lai	Xã Hoạt Giang	8068732	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản	2023 - 2026	4262/QĐ-UBND ngày 20/10/2023; 348/QĐ-UBND ngày 20/01/2025; 3667/QĐ-UBND ngày 25/11/2025	14.000	14.000	5.900	5.900	5.900	5.900	8.100	8.100	6.700	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT	Hoàn thành và quyết toán dự án theo quy định.
2	Kè đê sông Hoạt đoạn qua các xã Hoạt Giang, Hà Vinh, huyện Hà Trung	Xã Hoạt Giang, Phường Bim Sơn	8091156	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản	2025 - 2026	1270/QĐ-UBND ngày 01/4/2025; 3667/QĐ-UBND ngày 25/11/2025	7.372	7.372	3.500	3.500	3.500	3.500	3.872	3.872	3.100	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT	Hoàn thành và quyết toán dự án theo quy định.
3	Xây dựng tuyến đường gom, hàng rào ngăn cách đê từng bước xóa bỏ lối đi tự mở qua đường sắt trên địa bàn huyện Hà Trung; Hàng mục: Đoạn 1 từ Km146+425 đến Km146+890, chiều dài L=465m và Đoạn 2 từ Km149+205 đến Km149+400, chiều dài L=195m	Các xã Hoạt Giang, Hà Trung	8051952	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	2024 - 2026	3792/QĐ-UBND ngày 19/9/2023; 3549/QĐ-UBND ngày 13/11/2025	9.872	7.130	2.742		2.742		7.130	7.130	6.400	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT	Hoàn thành và quyết toán dự án theo quy định.
b	Dự án hoàn thành sau năm 2026							640.000	297.808	287.142		287.142		352.858	297.808	88.000		

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Mã số dự án	Địa điểm mở tài khoản	Ngành, lĩnh vực	Dự kiến thời gian khởi công và hoàn thành (hoặc dự kiến thời gian thực hiện theo thực tế)	Quyết định đầu tư, quyết định phê duyệt quyết toán; quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	TMDT (hoặc dự kiến TMDT); giá trị quyết toán		Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2025		Ước giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm 2025		Số vốn còn thiếu đến hết KH năm 2025		Kế hoạch vốn ngân sách địa phương năm 2026	Chủ đầu tư	Ghi chú
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
1	Đường giao thông từ xã Hà Tân đi xã Yên Dương, huyện Hà Trung	Các xã Hoạt Giang, Tống Sơn	7941698	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	2022 - 2027	12191/QĐ-UBND ngày 15/12/2021; 363/QĐ-UBND ngày 20/01/2025; 3549/QĐ-UBND ngày 13/11/2025	140.000	99.101	40.899		40.899		99.101	99.101	29.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT	Thanh toán khối lượng hoàn thành và tiếp tục thực hiện dự án.
2	Đường giao thông từ trung tâm huyện Hà Trung đến trung tâm thị xã Bim Sơn	Các xã Hà Trung, Hoạt Giang	7956094	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	2022 - 2027	1241/QĐ-UBND ngày 13/4/2022; 2732/QĐ-UBND ngày 08/7/2022; 3549/QĐ-UBND ngày 13/11/2025	500.000	198.708	246.243		246.243		253.757	198.708	59.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT	Thanh toán khối lượng hoàn thành và tiếp tục thực hiện dự án.
IV	HUYỆN YÊN ĐỊNH (cũ)							250.000	123.860	201.140	75.000	201.140	75.000	48.860	48.860	27.800		
a	Dự án đã hoàn thành chưa có quyết toán được duyệt							250.000	123.860	201.140	75.000	201.140	75.000	48.860	48.860	27.800		
1	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ cầu Yên Hoàng đến đường tránh phía Nam thị trấn Quán Lào	Các xã Định Tân, Yên Định	7887265	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	2021 - 2025	153/QĐ-UBND ngày 14/01/2022; 2279/QĐ-UBND ngày 09/5/2025; 3549/QĐ-UBND ngày 13/11/2025	250.000	123.860	201.140	75.000	201.140	75.000	48.860	48.860	27.800	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT	Thanh toán khối lượng hoàn thành theo quy định; số vốn còn thiếu sẽ bố trí sau khi dự án có quyết toán được duyệt.
V	HUYỆN THIỆU HÓA (cũ)							220.685	123.723	116.962	20.000	116.962	20.000	103.723	103.723	17.000		
a	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2026							220.685	123.723	116.962	20.000	116.962	20.000	103.723	103.723	17.000		
1	Đầu tư xây dựng tuyến đường Quốc lộ 45 cải dịch, đoạn từ nút giao Đường huyện ĐH-TH.05 (kênh Nam) đi nút giao đường QL1-QL45 tại xã Thiệu Long	Huyện Thiệu Hóa (cũ)	8013577	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	2022 - 2027	10/QĐ-UBND ngày 04/01/2023; 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	220.685	123.723	116.962	20.000	116.962	20.000	103.723	103.723	17.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT	Thanh toán khối lượng hoàn thành và tiếp tục thực hiện dự án.

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Mã số dự án	Địa điểm mở tài khoản	Ngành, lĩnh vực	Dự kiến thời gian khởi công và hoàn thành (hoặc dự kiến thời gian thực hiện theo thực tế)	Quyết định đầu tư, quyết định phê duyệt; quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	TMDT (hoặc dự kiến TMDT); giá trị quyết toán		Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2025		Ước giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm 2025		Số vốn còn thiếu đến hết KH năm 2025		Kế hoạch vốn ngân sách địa phương năm 2026	Chủ đầu tư	Ghi chú
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
VI	HUYỆN HOÀNG HÓA (cũ)							1.514.426	505.465	1.196.499	187.538	1.196.499	187.538	317.926	317.927	143.946		
a	Dự án đã hoàn thành đã có quyết toán được duyệt							475.539	45.735	462.342	32.538	462.342	32.538	13.196	13.196	13.196		
1	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Thịnh - Đông, huyện Hoàng Hóa (Giai đoạn 1)	Xã Hoàng Lộc, Hoàng Châu	7849652	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	2019 - 2025	3259/QĐ-UBND ngày 23/6/2025; 3549/QĐ-UBND ngày 13/11/2025	457.510	27.706	444.358	14.554	444.358	14.554	13.152	13.152	13.152	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT	Thanh toán số vốn còn thiếu theo quyết toán được duyệt.
2	Mở rộng và tôn tạo Khu di tích lịch sử quốc gia Đền thờ tướng quân Cao Bá Điển, xã Hoàng Giang, huyện Hoàng Hóa	Xã Hoàng Giang	7654163	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Văn hóa	2017 - 2024	1797/QĐ-UBND ngày 06/5/2024; 3549/QĐ-UBND ngày 13/11/2025	18.029	18.029	17.984	17.984	17.984	17.984	44	44	44	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT	Thanh toán số vốn còn thiếu theo quyết toán được duyệt.
b	Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2026							313.398	91.873	264.525	43.000	264.525	43.000	48.873	48.873	39.500		
1	Nâng cấp, cải tạo, khắc phục sạt lở tuyến đê Đông sông Cung đoạn từ K5+950-K10+200, huyện Hoàng Hóa.	Xã Hoàng Thanh, Hoàng Châu	8078469	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản	2024 - 2026	3011/QĐ-UBND ngày 29/7/2024; 3667/QĐ-UBND ngày 25/11/2025	68.398	68.398	43.000	43.000	43.000	43.000	25.398	25.398	18.500	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT	Hoàn thành và quyết toán dự án theo quy định.
2	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông Hoàng Kim - Hoàng Quý, huyện Hoàng Hóa	Xã Hoàng Phú, Hoàng Giang	7930408	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	2023 - 2026	2757/QĐ-UBND ngày 18/7/2023; 3549/QĐ-UBND ngày 13/11/2025	245.000	23.475	221.525		221.525		23.475	23.475	21.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT	Hoàn thành và quyết toán dự án theo quy định.
c	Dự án hoàn thành sau năm 2026							725.489	367.857	469.632	112.000	469.632	112.000	255.857	255.857	91.250		
1	Đường nối QL 1A với QL 45 từ xã Hoàng Kim, huyện Hoàng Hóa đến xã Thiệu Long, huyện Thiệu Hóa (đoạn từ nút giao với QL1A đến cầu vượt sông mã	Xã Hoàng Phú, Hoàng Giang	7935092	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	2022 - 2027	3376/QĐ-UBND ngày 24/8/2023; 3549/QĐ-UBND ngày 13/11/2025	306.669	122.832	203.837	20.000	203.837	20.000	102.832	102.832	16.850	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT	Thanh toán khối lượng hoàn thành và tiếp tục thực hiện dự án.

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Mã số dự án	Địa điểm mở tài khoản	Ngành, lĩnh vực	Dự kiến thời gian khởi công và hoàn thành (hoặc dự kiến thời gian thực hiện theo thực tế)	Quyết định đầu tư, quyết định phê duyệt quyết toán; quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	TMDT (hoặc dự kiến TMDT); giá trị quyết toán		Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2025		Ước giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm 2025		Số vốn còn thiếu đến hết KH năm 2025		Kế hoạch vốn ngân sách địa phương năm 2026	Chủ đầu tư	Ghi chú
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
2	Đường từ Quốc lộ 10 đi Khu du lịch Hải Tiến huyện Hoằng Hóa (giai đoạn I)	Xã Hoằng Hóa, Hoằng Tiến	7938338	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	2022 - 2026	689/QĐ-UBND ngày 05/05/2022; 5615/QĐ-UBND ngày 26/12/2024; 3549/QĐ-UBND ngày 13/11/2025	390.505	225.255	249.250	84.000	249.250	84.000	141.255	141.255	68.600	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT	Thanh toán khối lượng hoàn thành và tiếp tục thực hiện dự án.
3	Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử văn hóa đền thờ Lê Phụng Hiểu, xã Hoằng Sơn	Xã Hoằng Sơn	7741245	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Văn hóa	2018 - 2027	790/QĐ-UBND ngày 12/3/2024; 3549/QĐ-UBND ngày 13/11/2025	28.315	19.770	16.545	8.000	16.545	8.000	11.770	11.770	5.800	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT	Thanh toán khối lượng hoàn thành và tiếp tục thực hiện dự án.
VII	HUYỆN THẠCH THÀNH (cũ)							128.760	128.760	40.000	40.000	40.000	40.000	88.760	88.760	11.500		
a	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2026							128.760	128.760	40.000	40.000	40.000	40.000	88.760	88.760	11.500		
1	Đường giao thông xã Thành Thọ, Thành An, Ngọc Trạo, Thành Tâm, huyện Thạch Thành (GD1).	Xã Kim Tân, Ngọc Trạo	8016543	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	2023 - 2027	1576/QĐ-UBND ngày 21/5/2023; 3549/QĐ-UBND ngày 13/11/2025	128.760	128.760	40.000	40.000	40.000	40.000	88.760	88.760	11.500	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT	Thanh toán khối lượng hoàn thành và tiếp tục thực hiện dự án.